

SỰ THỂ HIỆN CỦA CÔNG LÝ VÀ NHIỆM VỤ BẢO VỆ CÔNG LÝ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN THEO HIẾN PHÁP NĂM 2013

NGUYỄN SƠN LÂM

Công ty Luật Nam Trí Việt
Nam Tri Viet Law Partnership Firm
Email: namtriviet@gmail.com

VŨ LÊ HẢI GIANG

Khoa Luật Hành chính - Nhà nước, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Administrative Law and State, Ho Chi Minh City University of Law
Email: vlhgiang@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Bài viết tiếp cận khái niệm công lý dưới nhiều góc độ qua các quan điểm, tư tưởng từ cổ đại đến đương đại và sự thể hiện của công lý trong lịch sử lập hiến Việt Nam. Đồng thời, bài viết phân tích thực trạng và đưa ra một số kiến nghị gợi mở để tòa án nhân dân thực sự là cơ quan bảo vệ công lý trong nhà nước pháp quyền.

Từ khóa: công lý, bảo vệ công lý, Tòa án nhân dân

Abstract

This article approaches the concept of justice from many aspects through ancient and modern perspectives and ideas as well as the expression of justice in Vietnam's constitutional history. It delves into an analysis of current practices while offering recommendations aiming to empower the People's Courts to effectively safeguard justice within a rule-of-law state.

Keywords: justice, protection of justice, people's courts

Ngày nhận bài: 02/12/2023

Ngày duyệt đăng: 15/01/2024

1. Khái niệm công lý và sự thể hiện của công lý trong Hiến pháp năm 2013

1.1. Khái niệm công lý

Về mặt ngữ nghĩa, từ điển Cambridge định nghĩa thuật ngữ “công lý” (*justice*) là lẽ công bằng trong cách xử sự của con người, hoặc là trạng thái của đạo đức và sự công bằng.¹ Trong từ điển pháp lý Black's Law Dictionary, công lý là việc thi hành pháp luật một cách hợp lẽ và công bằng.² Từ điển Tiếng Việt cũng định nghĩa “công lý” là “cái lẽ phù hợp với đạo lý và lợi ích chung của xã hội”.³ Tóm lại, về mặt ngữ nghĩa, khái niệm “công lý” gắn liền với sự công bằng, lẽ phải, lẽ phù hợp mà cộng đồng thừa nhận. Tuy vậy, cần phải thấy rằng công lý là một phạm trù mang tính lịch sử, nhận thức về công lý không bất biến mà có sự khác nhau ở những giai đoạn lịch sử khác nhau, dưới những góc độ tiếp cận và nghiên cứu khác nhau.

1 Từ điển Cambridge online, <https://dictionary.cambridge.org/vi/dictionary/english/justice>.

2 Bryan A. Garner (ed.), *Black's Law Dictionary*, 8th edition, 2004 tr. 2528.

3 Theo *Từ điển Tiếng Việt* của Viện Ngôn ngữ học, Nxb. Đà Nẵng, 2003, tr. 208.

Nhận thức về công lý sơ khai nhất là luật báo thù (*lex talionis*) với nguyên tắc “mắt đền mắt, răng đền răng”, được phản ánh trong những đạo luật cổ xưa nhất của con người, tiêu biểu như Bộ luật Hammurabi của Luông Hà cổ đại.⁴ Có thể thấy ý niệm về công lý trong thời kỳ này còn rất sơ khai, cho thấy một tư duy giản đơn về đạo đức, chưa mang tính nhân đạo, nhân văn, và cũng chưa được nghiên cứu sâu sắc. Phải đến thời Hy Lạp cổ đại, những ý niệm về công lý mới bắt đầu trở thành đối tượng nghiên cứu chuyên sâu của triết học, mà đáng chú ý là những tác phẩm của Plato và Aristotle. Các triết gia trong thời kỳ cổ đại đã nhìn nhận công lý dưới một bình diện mới: công lý không chỉ mang tính đạo đức, không chỉ là vấn đề đức hạnh của mỗi cá nhân mà còn là công việc quản trị công bình nhằm đảm bảo cho lợi ích và hạnh phúc của người dân. Từ đây, công lý trở thành điểm chung và là cầu nối giữa đạo đức và chính trị: công lý của xã hội chỉ được thực thi trên cơ sở đảm bảo đạo đức của các cá nhân, đặc biệt là người cầm quyền.⁵

Đến thời kỳ Trung cổ, những diễn giải về công lý có phần nhuộm màu thần học. Dù vậy, các triết gia kinh viện vẫn kế thừa những tư tưởng cốt lõi về công lý thời kỳ cổ đại. Triết gia cũng là nhà thần học Augustine cũng cho rằng công lý cũng là một loại đức hạnh của cá nhân, song ông bổ sung thêm rằng “đức tin là một phần của công lý”, “sự công bình tồn tại cùng đức tin”⁶ và công lý là việc quản lý xã hội hướng tới lợi ích chung chứ không phải là mong ước vị kỷ; nền cộng hòa nếu có tồn tại cũng phải phục vụ cho lợi ích chung của cộng đồng, phải được quản lý một cách tốt đẹp và công bình.⁷ Nhà thần học, triết gia Thomas Aquinas cũng cho rằng công lý vừa thể hiện trong phạm trù mang tính đạo đức cá nhân, phù hợp với luật tự nhiên và phụ thuộc vào nhận thức của mỗi cá nhân,⁸ vừa thể hiện trong sự đồng thuận của

4 Bộ luật Hammurabi quy định rằng “nếu người thợ xây nhà cho người khác mà không xây một cách đúng mực khiến căn nhà ấy sập làm chết người chủ nhà thì người thợ xây phải bị xử tử” (Điều 229), “nếu căn nhà sập mà làm chết con của chủ nhà thì con của người thợ xây phải bị xử tử” (Điều 230).

5 Triết gia Plato cho rằng công lý không chỉ tồn tại riêng lẻ ở từng cá nhân mà còn tồn tại ở các xã hội, và hai loại công lý ấy tồn tại hài hòa với nhau: Công lý của xã hội chỉ có thể tồn tại khi công lý trong mỗi cá nhân được thực thi và trật tự xã hội được tổ chức tốt. Xem thêm: Plato, *Republic*, Book V., translated by Benjamin Jowett, Global Grey Publishing house, London, 2018, p. 390. Trong tác phẩm kinh điển *Chính trị học*, Aristotle cho rằng công lý là sự đồng thuận của mọi người, thì hành công lý là quyết định xem thế nào là công bằng, cũng chính là nguyên tắc để giữ gìn trật tự trong một xã hội chính trị. Xem thêm: Aristotle, *Politics*, translated by Benjamin Jowett, Batoche Books, Canada, 2000, tr. 6.

6 Augustine, *City of God*, edited by the Rev. Marcus Dods, M. A., T. & T. Clark, Edinburgh, 2014, tr. 157.

7 Augustine, *tlđđ*, tr. 76.

8 Aquinas cho rằng tồn tại 4 loại luật: luật vĩnh hằng (*eternal law*), luật tự nhiên (*natural law*), luật kinh viện (*divine law*) và luật của con người (*human law*). Xem thêm: Thomas Aquinas, *Summa Theologica*, Part II, Translated by Fathers of the English Dominican Province, Gutenberg EB-

mọi người, được cộng đồng thừa nhận như giá trị phổ quát, được xem như đạo đức chung, và tồn tại dưới dạng pháp luật do chính quyền ban hành để giữ gìn sự công bình và trật tự.⁹ Pháp luật và công lý phải gắn liền với nhau như một lẽ tự nhiên, cũng là một trong những yêu cầu căn bản của pháp quyền: “Luật mà không công bằng thì không phải luật”.¹⁰

Các triết thuyết mới ra đời trong thời kỳ cận đại thay thế cho triết học kinh viện cũ kỹ và dần trở thành nền tảng lý luận cho xã hội hiện đại, trong đó, quan điểm về công lý cũng được thảo luận sâu sắc và đa diện hơn. Trong tác phẩm kinh điển *Leviathan*, Thomas Hobbes cho rằng bản chất tự nhiên của công lý nằm ở sự đồng thuận chung, hiện hữu trong pháp luật, với mục đích phân phối tài nguyên công bằng, bảo vệ tài sản cá nhân nói riêng và trật tự xã hội nói chung.¹¹ Nói cách khác, công dân tự nguyện thực hiện công lý chính là để bảo vệ quyền tư hữu, quyền tự do và an ninh cá nhân, cũng chính là điều kiện để các cá nhân duy trì xã hội. Nhà tư tưởng David Hume cũng nhận định công lý là chuẩn mực xã hội liên quan đến lợi ích và nhu cầu của con người; dù là khía cạnh đạo đức cá nhân hay quản trị xã hội thì công lý vẫn có mối liên hệ mật thiết với sự bình đẳng trong việc phân phối tài nguyên và sự tiếp cận các quyền.¹² Tiếp cận dưới triết thuyết khế ước xã hội, công lý đã được tách rời khỏi phạm trù cá nhân và đạo đức cá thể, được đặt hoàn toàn vào địa hạt của chính trị và pháp lý, trong đó nhấn mạnh đến hai vấn đề cơ bản – cũng là nhiệm vụ của nhà nước theo quan điểm khế ước xã hội là đảm bảo công bằng trong việc phân phối tài nguyên trong xã hội và bảo đảm các quyền tự do cơ bản của cá nhân.

Quan điểm này tiếp tục ảnh hưởng đến tận thời hiện đại, đơn cử như trong tác phẩm *Lý thuyết về công lý (A Theory of Justice)* của nhà tư tưởng John Rawls.¹³ Ông cho rằng, trước nhất, công lý là việc bảo đảm và bảo vệ các quyền tự do như tự do biểu đạt, tự do đi lại, tự do hội họp... Nếu có hạn chế những tự do này thì sự hạn chế ấy cũng phải

-
- ook, 2006, Question 57, Art. 3; Question 58, Art. 1.
- 9 Thomas Aquinas, *Summa Theologica, Part II*, Translated by Fathers of the English Dominican Province, Gutenberg EBook, 2006, Question 57, Art. 2, Question 58, Art. 5.
- 10 Augustine, *On the Free Choice of the Will, On Grace and Free Choice, and Other Writings*, edited and translated by Peter King, published by Cambridge University Press, 2010, tr. 1.5.11.33, tr. 10; Martin Luther King, Jr, *Letter from a Birmingham Jail*, African Studies Center - University of Pennsylvania, 1963, https://www.africa.upenn.edu/Articles_Gen/Letter_Birmingham.html, truy cập ngày 01/10/2023.
- 11 Thomas Hobbes, *Leviathan (or the Matter, Forme and Power of a Common-wealth Ecclesiasticall and Civill)*, McMaster University, Canada, 1951, tr. 89.
- 12 David Hume, “An Enquiry Concerning the Principles of Morals”, tr. 145 – 163, in Rev Dr Wally Shaw, *Commentary on the philosophical works of David Hume*, http://www.livingphilosophy.org.uk/philosophy/David_Hume/on_Justice.htm, accessed in 15/10/2023
- 13 Nigel Warburton, *Lược sử triết học (A little history of Philosophy)*, dịch bởi Cao Việt, Nxb. Thế Giới, 2021, tr. 278 – 283.

phục vụ cho lợi ích chung của xã hội và vì lợi ích của mỗi công dân. Sau đó, công lý phải bảo đảm được sự bình đẳng, nghĩa là xã hội phải được tổ chức để phân chia của cải và cơ hội cho những ai thiệt thòi nhất.

Như vậy, trong lịch sử tư tưởng của loài người, khái niệm công lý được tiếp cận dưới nhiều góc độ nhận thức khác nhau, nhưng luôn được xem như một trong những giá trị tốt đẹp nhất mà xã hội nào cũng hướng tới, mang tính phổ quát và dần trở thành chuẩn mực của nhân loại thời kỳ hiện đại. Nhóm tác giả cho rằng những triết thuyết nói trên không mâu thuẫn hay loại trừ nhau mà còn bổ sung cho nhau. Theo đó, có thể thấy công lý không phải là một khái niệm mang tính thần thánh hay trừu tượng, mà là toàn bộ các tư tưởng, nhận thức, quan điểm tiến bộ được thể hiện trên nhiều bình diện. Dưới góc độ cá nhân, công lý tồn tại trong những giá trị đạo đức nhân văn, tiến bộ và lương tri hướng về lẽ phải, lẽ công bằng. Dưới góc độ xã hội, bảo vệ công lý là tối đa hóa lợi ích chung cho cộng đồng, cho toàn xã hội trên cơ sở bảo vệ các quyền tự do và đảm bảo bình đẳng giữa các cá nhân. Trong lĩnh vực nhà nước và pháp luật, công lý tồn tại trong mối quan hệ văn minh giữa công dân và nhà nước, trong hiến pháp, các đạo luật tiến bộ và những phán quyết công bình. Từ đây, có thể thấy phạm vi của bảo vệ công lý rất rộng, là bảo vệ toàn bộ những giá trị nhân văn, tiến bộ, văn minh nói trên trong những vụ việc cụ thể.

Bên cạnh đó, cũng cần phải làm rõ mối quan hệ giữa công lý và pháp luật. Công lý và pháp luật là những khái niệm có mối quan hệ khăng khít, mật thiết với nhau nhưng không đồng nhất. Pháp luật phân biệt với công lý ở chỗ bản thân pháp luật vừa mang tính giai cấp (thể hiện ý chí của giai cấp cầm quyền), vừa mang tính xã hội (phù hợp với quan điểm, lợi ích chung của cộng đồng). Còn công lý không phải là công cụ của chính quyền để quản lý xã hội và tồn tại độc lập đối với ý chí của giai cấp thống trị. Mặc dù pháp luật là công cụ để các nhà nước quản lý xã hội, điều hành đất nước, song nếu chỉ mang tính giai cấp, phụ thuộc hoàn toàn vào ý chí chủ quan của giai cấp thống trị thì pháp luật ấy xa rời công lý. Chỉ khi pháp luật phản ánh đầy đủ tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, của cộng đồng thì pháp luật mới có thể trở thành hiện thân của công lý. Ngược lại, cũng không thể tách bạch công lý và pháp luật như những khái niệm không liên quan. Công lý mà không có pháp luật là công lý trừu tượng, mơ hồ, và không có cơ chế đảm bảo thực thi. Còn pháp luật mà không phù hợp với công lý, không hợp lẽ công bằng thì đó là pháp luật duy ý chí của giai cấp thống trị, mà hậu quả là người dân sẽ mất niềm tin vào cả pháp luật và nhà nước. Công lý phải là mục đích và nội dung của pháp luật, phải được thể hiện bởi pháp luật mà trước hết là ở hiến pháp – đạo luật cơ bản, có hiệu lực pháp lý

cao nhất của mỗi quốc gia.

1.2. Sự thể hiện của công lý trong Hiến pháp năm 2013

Như đã phân tích ở trên, công lý được thể hiện đa dạng dưới nhiều góc độ. Sự thể hiện của công lý trong Hiến pháp năm 2013 vì vậy cũng được thể hiện dưới nhiều khía cạnh, như: tái khẳng định bản chất của nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, đồng thời hiến định nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp (Điều 2); khẳng định các quyền con người, quyền công dân được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm đồng thời hiến định hàng loạt quyền tiến bộ như quyền sống (Điều 19), quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, sức khỏe, nhân phẩm (Điều 20), các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình (Điều 25), quyền sở hữu hợp pháp (Điều 32), quyền tự do kinh doanh (Điều 33), quyền được sống trong môi trường trong lành (Điều 43)... Bảo vệ công lý, vì thế, cũng là trách nhiệm chung của rất nhiều cơ quan, cá nhân, tổ chức trong xã hội.

Tuy nhiên, việc bảo vệ công lý sẽ trở nên manh mún, thiếu sự tập trung, thậm chí dẫn đến tình trạng “cha chung không ai khóc” nếu thiếu vắng một thiết chế thực thi nhiệm vụ bảo vệ công lý một cách thống nhất. Câu hỏi đặt ra là cơ quan nào sẽ được trao nhiệm vụ bảo vệ công lý? Nếu như nhà lập pháp đảm trách luôn nhiệm vụ bảo vệ công lý thì sẽ có khả năng những đạo luật bất công, thiên vị sẽ được bảo vệ dưới danh nghĩa của công lý. Còn nếu như cơ quan hành pháp được giữ nhiệm vụ bảo vệ công lý thì rất dễ xảy ra lạm quyền, chuyên quyền và công lý sẽ khó dc thực thi. Trong cả hai trường hợp này, công lý đều không được bảo vệ. Vì vậy mà nhiệm vụ bảo vệ công lý chỉ có thể trao về cho một cơ quan độc lập thực hiện quyền tư pháp – chính là Tòa án Nhân dân. Mặt khác, công lý không phải một giá trị trừu tượng bất biến, mà được thể hiện trong những vụ việc, những mâu thuẫn, tranh chấp cụ thể trong đời sống xã hội, do đó mà việc bảo vệ công lý tất yếu cũng phải được thực thi trong hoạt động xét xử những vụ việc cụ thể.

Nhận thức được điều ấy, bảo vệ công lý đã được Đảng ta xác định là một trong những mục tiêu cơ bản của Chiến lược cải cách tư pháp của Việt Nam theo Nghị quyết số 49-NQ/TW: “Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao”. Nhiệm vụ bảo vệ công lý cũng

được xác định trong hàng loạt những văn kiện quan trọng của Đảng trong các thời kỳ như Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về Công tác xây dựng Đảng tại Đại hội X, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI...

Đặc biệt, lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến, Điều 102 Hiến pháp hiện hành quy định Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Nhiệm vụ hiến định ấy của Tòa án nhân dân cũng được nhắc lại trong Nghị quyết số 27-NQ/TW như một trong những mục tiêu cụ thể mà Đảng đề ra nhằm xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội cụ thể đến năm 2030: “Hoàn thành cơ bản việc xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân”. Trong đó, bảo vệ công lý là nhiệm vụ cơ bản, là điều kiện tiên quyết và bao trùm việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, Tòa án thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ công lý cũng chính là đang góp phần làm tốt các nhiệm vụ còn lại.

2. Một số đề xuất để Tòa án nhân dân thực sự là cơ quan bảo vệ công lý trong nhà nước pháp quyền

Cần phải nhận thức rằng Tòa án nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ công lý không chỉ là bảo vệ lẽ công bằng, lẽ phải trong mỗi vụ việc, mà còn là bảo vệ các quyền con người, quyền công dân và một loạt những giá trị hiến định nhân bản, tiến bộ, văn minh nhất của Hiến pháp. Tuy vậy, hiện nay Tòa án nhân dân chưa có được một vị thế tương xứng và những quyền hạn đủ mạnh mẽ để thực thi nhiệm vụ này một cách hữu hiệu. Nguyên nhân nằm ở các bất cập trong tổ chức và quyền hạn của Tòa án nhân dân, đòi hỏi không chỉ những giải pháp khắc phục, mà còn cả nỗ lực cũng như quyết tâm cao độ của ngành Tòa án nói riêng và của cả bộ máy nhà nước nói chung. Trong giới hạn bài viết này, nhóm tác giả chỉ đưa ra một số đề xuất mang tính căn cơ, có thể nói là gợi mở cho những giải pháp cụ thể trong tương lai như sau:

Thứ nhất, bản thân pháp luật phải công bằng, hợp lẽ phải, thể hiện được những giá trị văn minh, bình đẳng, chuẩn mực, bởi khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân phải tuân theo pháp luật. Pháp luật

công bằng cũng là yêu cầu của Nhà nước pháp quyền. Dưới sự điều chỉnh của nguyên tắc pháp quyền, một đạo luật sẽ mất đi tính pháp quyền nếu nó không phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật, không thể hiện được các giá trị cao cả như lương tri, tự do, bình đẳng, công bằng, không phù hợp với tiến bộ xã hội và các giá trị nhân văn của xã hội nói chung.¹⁴ Trong một xã hội pháp quyền, pháp luật phải là đại lượng của công lý, của lẽ phải, lẽ công bằng, là sự định lượng và hiện thân của những giá trị nhân văn, nhân bản nhất. Ngược lại, công lý phải được xem là “khuôn vàng thước ngọc” của các đạo luật thực định.

Để đạt được điều đó, trước hết luật pháp phải phù hợp với ý chí, nguyện vọng của Nhân dân, phản ánh được tâm tư của đại bộ phận quần chúng, tránh chủ quan duy ý chí. Điều này đặt ra yêu cầu trong quá trình soạn thảo luật, cơ quan soạn thảo cần thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc lấy ý kiến của người dân và các cơ quan, tổ chức chịu sự tác động trực tiếp của các đạo luật, đồng thời cần nghiêm túc và công khai giải trình việc tiếp thu ý kiến trong quá trình dự thảo. Bên cạnh đó, thực tế việc Bộ luật Hình sự năm 2015 có một số lỗi về hình thức và nội dung¹⁵ đã khẳng định sự tồn tại cần thiết của một thiết chế hậu kiểm các dự luật sau khi được Quốc hội thông qua và trước khi được công bố. Phần nhiều các quốc gia đều gắn chức năng hậu kiểm các đạo luật với chức năng bảo hiến (tòa án hiến pháp, hội đồng bảo hiến...).

Thứ hai, trong trường hợp Hội đồng xét xử nhận thấy và chứng minh được rằng việc áp dụng luật sẽ tạo ra bản án bất công, hoặc thậm chí quy định của pháp luật chòng chéo, hoặc đơn giản là chưa có quy phạm điều chỉnh quan hệ đang có tranh chấp, thì Hội đồng xét xử đó phải được quyền căn cứ vào hiểu biết pháp luật và kinh nghiệm xét xử của mình từ chối áp dụng pháp luật và áp dụng lẽ công bằng để cho ra một bản án hợp tình, hợp lý, hợp lẽ phải. Lý tưởng pháp quyền không hoàn hảo bởi nó không tính đến vai trò và nhận thức về công lý trong quá trình hoàn thiện pháp luật, mà phụ thuộc lớn vào khả năng dự liệu và kỹ thuật lập pháp của các nhà lập pháp. Do nhà lập pháp không trực tiếp áp dụng pháp luật để xét xử những vụ việc phức tạp trên thực tế, mà chỉ có thể dự liệu được một phạm vi hạn chế một số vụ việc, tranh chấp có thể xảy ra trong tương lai trong quá trình làm luật. Vì vậy mà tư tưởng pháp quyền không nên được tuyệt đối hóa, và sự thượng tôn pháp luật không nên được hiểu như một sự cai trị độc đoán của pháp luật.¹⁶ Nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm chỉ tuân theo pháp luật

14 Nguyễn Xuân Tùng, “Bàn về “Nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa””, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 10 (235), 2011, tr. 6

15 Đinh Văn Quế, “Bộ luật Hình sự 2015 không chỉ có 3 lỗi nghiêm trọng!”, *Chuyên trang Công an TPHCM*, http://congan.com.vn/tin-chinh/bo-luat-hinh-su-2015-khong-chi-co-3-loi-nghiem-trong_21848.html, truy cập ngày 15/9/2023

16 Đây cũng là một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp quyền: “Rule of law is not the law of rules”.

không thể được hiểu là việc tôn thờ và bảo vệ câu chữ của luật như những tín điều, bởi Tòa án nhân dân không phải là cơ quan bảo vệ pháp luật. Mọi nguyên tắc xét xử phải hướng đến và phục vụ cho nhiệm vụ bảo vệ công lý của Tòa án, nhằm đưa ra một bản án công bằng, hợp lẽ phải. Mọi điều khoản của luật vẫn cần được thượng tôn, nhưng nếu việc thượng tôn pháp luật dẫn đến bất công thì Tòa án cần áp dụng lẽ công bằng.¹⁷

Lẽ công bằng đóng vai trò quan trọng để Tòa án thực hiện nhiệm vụ bảo vệ công lý, mà qua đó ngăn ngừa được việc pháp quyền trở thành sự cai trị độc đoán của pháp luật. Tại Việt Nam, lần đầu tiên Bộ luật Dân sự (“BLDS”) năm 2015 quy định về áp dụng lẽ công bằng trong xét xử như sau:¹⁸ “Trường hợp phát sinh quan hệ thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật dân sự mà các bên không có thỏa thuận, pháp luật không có quy định và không có tập quán được áp dụng thì áp dụng quy định của pháp luật điều chỉnh quan hệ dân sự tương tự. Trường hợp không thể áp dụng tương tự pháp luật thì áp dụng các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, lẽ công bằng”. Từ quy định này, dễ thấy lẽ công bằng chỉ được áp dụng trong trường hợp vụ việc không có luật điều chỉnh, không có thỏa thuận giữa các bên, không có quy định điều chỉnh quan hệ tương tự, và chưa có án lệ.

Thực tiễn xét xử tại nước ta đã cho thấy lẽ công bằng chỉ được áp dụng với ý nghĩa “cứu cánh” cuối cùng khi không còn nguồn luật nào khác, hoặc áp dụng lẽ công bằng “kèm” theo các quy phạm pháp luật đã có. Tuy nhiên, áp dụng lẽ công bằng chỉ có ý nghĩa đối với nền tư pháp nói riêng và pháp quyền nói chung khi và chỉ khi được độc lập với việc áp dụng pháp luật trong xét xử, nhằm giải quyết những vụ việc đặc thù khi đã có quy định pháp luật điều chỉnh nhưng việc áp dụng quy định pháp luật vào vụ việc đó sẽ khiến cưỡng, hoặc bất công. Tùy theo tính chất vụ việc mà Tòa án cần được linh động áp dụng pháp luật, hoặc lẽ công bằng, hoặc cả hai để đưa ra bản án hợp tình, hợp lẽ, xứng đáng là cơ quan có nhiệm vụ bảo vệ công lý. Điều này cũng giúp định hình lại vị thế của Tòa án nhân dân trong tâm lý của người dân, xứng đáng là cơ quan bảo vệ công lý chứ không chỉ đơn thuần là một cơ quan chỉ có chức năng diễn dịch pháp luật một cách máy móc. Thực tiễn xét xử tại Hoa Kỳ cho thấy một hệ thống tòa án có khả năng xét xử theo cả luật lẫn các nguyên tắc của luật thì linh hoạt và tốt hơn một hệ thống chỉ xét xử theo một trong hai.¹⁹

17 Wesley Newcomb Hohfeld, *Relations between Equity and Law*, *Michigan Law Review*, Vol. XI, No. 8, 1913, tr. 543-544.

18 Điều 6 Bộ luật Dân sự năm 2015.

19 Oliver S. Rundell, “The Chancellor’s Foot: The Nature of Equity”, *University of Kansas City Law Review*, Vol. 71, 1958, tr. 82.

Thứ ba, phải bảo đảm nguyên tắc “tư pháp độc lập” – là nguyên tắc cơ bản và bao trùm trong hoạt động tư pháp của các quốc gia dân chủ, tiến bộ, được xem như “vương miện của pháp quyền”, nghĩa là cần tái cơ cấu hệ thống tổ chức Tòa án nhân dân theo thẩm quyền xét xử và theo khu vực, và nâng cao vị thế của thẩm phán.

Ở khía cạnh thứ nhất về tổ chức, các Tòa án cần được độc lập với nhau và độc lập với các cơ quan nhà nước khác ở địa phương. Hệ thống Tòa án nhân dân cần được tổ chức theo thẩm quyền xét xử. Biện pháp khả thi và hữu hiệu nhất hiện nay là tổ chức Tòa án theo khu vực và theo nhu cầu xét xử, mà theo nhóm tác giả, nên học tập theo tinh thần của Hiến pháp năm 1946 khi thiết kế hệ thống cơ quan tư pháp bao gồm Tòa án tối cao, các Tòa án phúc thẩm, các Tòa án đệ nhị cấp và Tòa án sơ cấp (Điều 63). Tòa án nhân dân cấp cao nên đổi tên thành Tòa án nhân dân phúc thẩm bởi chức năng chủ yếu của Tòa án này hiện nay là phúc thẩm vụ việc mà bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Tòa án nhân dân cấp tỉnh hiện nay nên đổi tên thành Tòa án đệ nhị cấp; Tòa án nhân dân cấp huyện nên đổi tên thành Tòa án sơ cấp. Các Tòa án sơ cấp cần được thành lập theo khu vực và theo nhu cầu xét xử, tránh thực trạng hiện nay là mỗi quận, huyện tổ chức một Tòa án dẫn đến bất cập là tại nhiều thành phố lớn, Tòa án nhân dân quận quá tải án, trong khi Tòa án nhân dân nhiều huyện miền núi, hải đảo, lại có rất ít án, gây lãng phí nguồn nhân lực. Điều này có thể sẽ gặp nhiều khó khăn, vì có quan điểm cho rằng nếu thành lập Tòa án khu vực thì ở các huyện miền núi vốn xa xôi cách trở, người dân đến tòa rất khó khăn, và nếu thành lập Tòa án khu vực thì tốn kém tiền để xây dựng trụ sở, làm đảo lộn công tác của vài nghìn công chức ngành Tòa án.²⁰ Vì vậy, để tổ chức lại Tòa án theo khu vực và theo thẩm quyền xét xử cần phải có sự quyết tâm cao độ không chỉ của Tòa án nhân dân các cấp mà còn đòi hỏi sự thống nhất và quyết tâm của cả hệ thống chính trị và các cơ quan nhà nước khác.

Ở khía cạnh thứ hai, đảm bảo độc lập của Tòa án trong xét xử chính là đảm bảo độc lập của thẩm phán, hội thẩm trong quá trình xét xử. Trong thời gian qua vẫn còn tồn tại các hiện tượng “thỉnh thị án”, “báo cáo án”, “chỉ đạo án”. Nguyên nhân của hiện tượng này là do cơ chế kỷ luật thẩm phán nhằm xem xét trách nhiệm thẩm phán, gắn với tái bổ nhiệm thẩm phán lại dựa trên tỷ lệ án bị hủy, sửa. Các thẩm phán muốn được tái bổ nhiệm thì phải bằng mọi cách giảm thiểu án bị hủy hoặc sửa, bao gồm cả những cách hết sức tiêu cực như: tránh tiếp nhận đơn khởi kiện, thụ lý

20 Quốc Thanh, L. Kiên, “Làm sao độc lập trong xét xử?”, *Tuổi Trẻ Online*, <https://tuoitre.vn/lam-sao-doc-lap-trong-xet-xu-608840.htm>, truy cập ngày 09/09/2023.

đối với vụ án phức tạp, thực hiện “báo cáo án”, “thỉnh thị án” để tránh xử lý khi bản án đã có ý kiến của lãnh đạo Tòa án, Tòa án cấp trên hoặc Hội đồng thẩm phán.²¹ Để khắc phục bất cập này, cần nâng cao vị thế của thẩm phán theo hướng bổ nhiệm thẩm phán trọn đời như nhiều quốc gia trên thế giới đang áp dụng. Đơn cử như tại Hoa Kỳ, thẩm phán được giữ chức vụ trọn đời chừng nào còn hành động hợp lẽ,²² hoặc ở tại Vương quốc Anh, thẩm phán giữ chức vụ cho đến năm 75 tuổi thì mới nghỉ hưu.²³ Thẩm phán không có nhiệm kỳ sẽ yên tâm hơn trong công tác, độc lập hơn trong xét xử, và không phải chịu những áp lực khi gần đến kỳ tái bổ nhiệm. Bên cạnh đó, cần thành lập Hội đồng Tư pháp quốc gia thực hiện chức năng tuyển chọn, trình Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm các thẩm phán, xem xét các khiếu nại liên quan đến bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật thẩm phán, giám sát việc phân bổ biên chế, kinh phí, nguồn lực cho các tòa án, bảo vệ thẩm phán... một cách thống nhất trong phạm vi cả nước. Có như thế thì các thẩm phán mới có thể yên tâm và xét xử theo đúng lương tâm, thực sự là người “cầm cân nảy mực” để bảo vệ công lý trong từng vụ việc cụ thể.

Thứ tư, Tòa án nhân dân phải được trao quyền phán quyết các vụ việc liên quan đến quyền con người, quyền công dân, đặc biệt là đối với các quyền con người, quyền công dân mới chỉ được hiến định mà chưa được luật hóa. Hiến pháp quy định Tòa án có nhiệm vụ bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Nhưng khác với các chủ thể còn lại, Tòa án không giám sát và bảo vệ các quyền con người, quyền công dân một cách chủ động, mà chủ yếu bảo vệ các quyền thông qua hoạt động xét xử. Điều này có nghĩa là mỗi khi người dân cho rằng quyền của mình bị xâm phạm thì đều có quyền kiện tới Tòa án để được bảo vệ, kể cả khi sự xâm phạm ấy đến từ các cơ quan nhà nước. Tuy vậy, không có nghĩa Tòa án chỉ bảo vệ quyền con người, quyền công dân trong những vụ kiện về xâm phạm quyền, mà trong quá trình thực hiện tất cả các hoạt động xét xử và mọi thủ tục tư pháp. Đơn cử, Tòa án có quyền xem xét đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước và quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính liên quan đến quyền con người, quyền cơ bản của công dân theo quy định của pháp luật.²⁴

Tuy nhiên, hiện nay Tòa án ở nước ta đang gặp nhiều khó khăn trong việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Bởi lẽ nhiều quyền

21 Nguyễn Quốc Hùng, *Kiểm soát quyền lực tư pháp trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, 2016, tr. 136.

22 Điều III Hiến pháp Hoa Kỳ.

23 Điều 26 Luật về chế độ và nghỉ hưu đối với chức danh tư pháp năm 1993 (sửa đổi năm 2022) của Vương quốc Anh.

24 Khoản 5 Điều 2 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014.

con người, quyền cơ bản của công dân hiện chỉ mới được hiến định mà vẫn chưa được cụ thể hóa trong các văn bản quy phạm pháp luật, hoặc các văn bản quy phạm chỉ mới quy định tinh thần của các quyền cơ bản. Vì vậy, Tòa án chỉ có thể bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân một cách hữu hiệu khi và chỉ khi Tòa án có thẩm quyền tiếp nhận, thụ lý, và giải quyết các vụ việc liên quan đến các quyền hiến định, kể cả những quyền chưa được ghi nhận trong luật. Nói cách khác, cần nghiên cứu để xây dựng Tòa án nhân dân như một thiết chế bảo hiến có chức năng phán quyết các vụ việc liên quan đến các quyền con người, quyền công dân đã được hiến định.

Thứ năm, thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên được nghiên cứu để trao về Tòa án nhân dân bởi ba lý do sau.

Một là, theo Hiến pháp hiện hành, chỉ có Tòa án nhân dân được hiến định là có quyền xét xử. Mặc dù Hiến pháp chưa định nghĩa thuật ngữ “xét xử”, nhưng có thể hiểu rằng xét xử là hoạt động phán quyết của cơ quan thay mặt Nhà nước nhằm khôi phục trật tự nếu nó bị xâm phạm, hoặc nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp và chính đáng của công dân, của tập thể, của quốc gia và xã hội. Bản chất của hoạt động xét xử là hoạt động nhân danh quyền lực nhà nước nhằm xem xét, đánh giá và ra phán quyết về tính hợp pháp và tính đúng đắn của hành vi pháp luật hay quyết định pháp luật khi có sự tranh chấp và mâu thuẫn giữa các bên có lợi ích khác nhau trong các tranh chấp hay mâu thuẫn đó.²⁵ Với cách hiểu như vậy thì việc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính có bản chất gần với hoạt động xét xử hơn là hoạt động quản lý hành chính mang tính chấp hành – điều hành. Bởi quyết định xử phạt vi phạm hành chính cũng là thực hiện quyền lực nhà nước để phán quyết về tính hợp pháp và đúng đắn của hành vi pháp luật nhằm khôi phục trật tự hoặc nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp và chính đáng của công dân, của tập thể, của quốc gia và xã hội. Vì thế, thẩm quyền này phải thuộc về Tòa án nhân dân – cơ quan thực hiện quyền tư pháp.

Hai là, khác với quy trình tố tụng được quy định chặt chẽ, theo những nguyên tắc xét xử nghiêm ngặt, trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính được quy định đơn giản, nhanh chóng và đơn phương theo ý chí của chủ thể xử phạt là các cá nhân có thẩm quyền. Chỉ trong một số trường hợp được quy định tại Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), người vi phạm mới được giải trình, đó là các hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành

25 Đào Trí Úc, Nguyễn Thu Trang, “Vai trò của hoạt động xét xử của tòa án trong quá trình phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam”, *Tap chí Nghiên cứu lập pháp*, số 18(247), 2014, tr. 10

nghe có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc quy định mức tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15 triệu đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30 triệu đồng trở lên đối với tổ chức. Trong trường hợp giải trình trực tiếp, người có thẩm quyền xử phạt tổ chức phiên giải trình trực tiếp và có trách nhiệm nêu căn cứ pháp lý, tình tiết, chứng cứ liên quan đến hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả dự kiến áp dụng đối với hành vi vi phạm; cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính, người đại diện hợp pháp của họ có quyền tham gia phiên giải trình và đưa ra ý kiến, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, rõ ràng phiên giải trình trực tiếp mang “đáng đáp” của phiên tranh luận trong thủ tục tố tụng tại Tòa án nhưng thiếu đi sự bình đẳng giữa các bên tham gia, thiếu vắng một chủ thể độc lập xem xét công bằng giữa các bên. Người có thẩm quyền xử phạt vừa tham gia phiên giải trình lại vừa có quyền quyết định sau cùng đối với việc xử phạt, tức là đang “vừa đá bóng, vừa thổi còi”. Chưa kể là đối với cá nhân, tổ chức không thuộc trường hợp quy định tại Điều 61 nói trên thì họ không có cách thức nào thể hiện quan điểm về việc xử phạt đối với hành vi của mình. Điều này rõ ràng là đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức bị cáo buộc là vi phạm hành chính. Vì vậy, quy trình xử phạt vi phạm hành chính cũng cần phải theo đúng thủ tục tư pháp để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm.

Ba là, chủ thể quản lý hành chính không nên có quyền phân định, phán xử tính đúng đắn của hành vi pháp luật, nhằm loại trừ khả năng chủ thể quản lý hành chính ra quyết định xử phạt một cách tùy tiện nhằm dễ dàng hóa công việc quản lý của mình, hoặc hạch sách, những nhiễu, lạm quyền, gây khó dễ cho người dân. Vì vậy, chủ thể có chức năng quản lý hành chính chỉ nên có thẩm quyền lập biên bản các vi phạm, còn quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải trao về cho Tòa án nhân dân – cơ quan độc lập có chức năng xét xử.

Từ các lý do trên, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức, cần nghiên cứu chuyển thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cho Tòa án nhân dân. Có thể nghiên cứu xây dựng Tòa xét xử vi phạm hành chính hoặc Tòa vi cảnh xét xử theo thủ tục rút gọn đối với những vi phạm giản đơn, chế tài không lớn theo mô hình Tòa vi cảnh của các nước trên thế giới. Đơn cử như tại Hoa Kỳ, vi phạm pháp luật nhỏ có chế tài không quá 5.000 đô-la đối với cá nhân và 10.000 đô-la đối với tập thể sẽ được phụ trách bởi một thẩm phán tại Tòa án quận, không cần bồi thẩm đoàn.²⁶ Tại Pháp, các vi phạm pháp luật nhỏ có chế tài không

26 Điều 58 Bộ Quy định Liên bang về Tố tụng hình sự Hoa Kỳ.

quá 3.000 euro sẽ do Phân tòa Hình sự (*Tribunal de police*) thuộc Tòa án sơ thẩm có thẩm quyền hẹp (*Tribunal d'instance*) phụ trách.²⁷

Kết luận

Đã 10 năm kể từ khi thuật ngữ “công lý” được hiến định trong Hiến pháp 2013 và Tòa án nhân dân được trao nhiệm vụ bảo vệ công lý. Tuy nhiên thời gian qua cho thấy, dù tổ chức và hoạt động của hệ thống Tòa án nhân dân đã có nhiều sự thay đổi đáng kể và tích cực so với thời kỳ trước đây, nhưng phải thừa nhận rằng Tòa án nhân dân vẫn chưa có được một vị thế cùng những quyền hạn cần thiết xứng đáng với nhiệm vụ bảo vệ công lý. Để Tòa án nhân dân thực sự trở thành “thánh điện” bảo vệ công lý trong xã hội pháp quyền đòi hỏi không chỉ nỗ lực của ngành Tòa án, mà còn là sự thống nhất và quyết tâm cao độ của cả hệ thống chính trị. Trong giới hạn của bài viết này, nhóm tác giả đã đưa ra sáu đề xuất trọng tâm, nền tảng để xây dựng một nền tư pháp được độc lập, Tòa án được trao những quyền hạn mạnh mẽ để phán quyết của tòa án có thể bảo vệ được công lý, công bằng, và những giá trị nhân bản, tiến bộ, văn minh được thể hiện trong Hiến pháp. Có như thế thì quyền con người, quyền công dân, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân cũng như trật tự, kỷ cương của xã hội mới được bảo vệ, từ đó người dân mới tin tưởng vào sự tồn tại của công lý và Tòa án nhân dân mới trở thành biểu tượng của công lý, lẽ phải, xứng đáng với niềm tin và sự mong đợi của Nhân dân. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Augustine, *On the Free Choice of the Will, On Grace and Free Choice, and Other Writings*, edited and translated by Peter King, published by Cambridge University Press, 2010
- [2] Nigel Warburton, *Lược sử triết học (A little history of Philosophy)*, dịch bởi Cao Việt, Nxb. Thế Giới, 2021 [Nigel Warburton, *A little history of Philosophy*, trans by Cao Viet, The Gioi Publisher, 2021]
- [3] Oliver S. Rundell, “The Chancellor’s Foot: The Nature of Equity”, *27 University of Kansas City Law Review*, Vol. 71, 1958
- [4] Plato, *Republic*, Book V., translated by Benjamin Jowett, Global Grey Publishing house, London, 2018
- [5] Thomas Hobbes, *Leviathan (or the Matter, Form and Power of a Common-wealth Ecclesiastical and Civil)*, McMaster University, Canada, 1951
- [6] Nguyễn Xuân Tùng, “Bàn về “Nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa””, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, số 10 (235), 2011 [trans: Nguyen Xuan Tung, “On the “principle of socialist rule of law””, *Democracy and Law Review*, No. 10 (235), 2011]
- [7] Đào Trí Úc, Nguyễn Thu Trang, “Vai trò của hoạt động xét xử của tòa án trong quá trình phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 18(247), 2014 [trans: Dao Tri Uc, Nguyen Thu Trang, “The role of judging of courts in the improvement of Vietnamese legal system”, *Journal of Legislative Studies*, No. 18(247), 2014]
- [8] Wesley Newcomb Hohfeld, “Relations between Equity and Law”, *Michigan Law Review*, Vol. XI, No. 8, 1913

27 Điều 131-13 Bộ luật Hình sự của Pháp.